

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ ... (1)

Số: Nămthángngày- /VNPT VNP-tên tắt đơn vị ban hành văn bản-tên tắt đơn vị
soạn thảo/HĐ Tên tắt dv (2)

Hợp đồng cung cấp dịch vụ (“Hợp đồng”) được lập và ký kết ngày
tháng năm, tại, giữa các Bên dưới đây:

I. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ: (3)

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

Tài khoản :

Tại :

Mã số thuế :

Người đại diện :

Chức vụ :

(Theo Giấy uỷ quyền sốngày của.....).

(Trong Hợp đồng gọi tắt là “Bên A”)

Và

II. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: (3)

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

Tài khoản :

Tại :

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông số 115/GP-CVT ngày 26/04/2024.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp cho Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông số
0106869738 do Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu
ngày 11/06/2015.

Mã số thuế :

Người đại diện :

Chức vụ :

(Theo Giấy uỷ quyền sốngày của.....).

(Trong Hợp đồng gọi tắt là “Bên B”)

Sau khi thỏa thuận và thống nhất, các bên đồng ý ký kết Hợp đồng với các điều
khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ do Bên B cung cấp, quy
định chi tiết tại Phụ lục Hợp đồng.

ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

2.1. Cước phí dịch vụ áp dụng theo gói dịch vụ Bên A đã đăng ký, quy định chi tiết tại Phụ lục Hợp đồng.

Thời điểm tính cước phí sử dụng dịch vụ là ngày các bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao.

2.2. Chi phí thiết bị (nếu có): quy định chi tiết tại Phụ lục Hợp đồng.

ĐIỀU 3. THANH TOÁN

3.1. Phương thức thanh toán:

a. Trong thời hạn ... ngày kể từ ngày bắt đầu tính cước, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cước phí dịch vụ cho Bên B.

Trường hợp gia hạn dịch vụ, Bên A thanh toán cước phí dịch vụ kỳ tiếp theo cho Bên B trước khi hết hạn tối thiểu ... ngày. Quy định này áp dụng cho các kỳ thanh toán sau đó.

Nếu ngày thanh toán cuối cùng không phải là ngày làm việc (ngày làm việc được hiểu là những ngày từ thứ 2 đến thứ 6, trừ ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước Việt Nam), Bên A thanh toán cho Bên B vào ngày làm việc kế tiếp.

b. Chi phí thiết bị (nếu có): Ngay sau khi ký kết Hợp đồng.

c. Giá trị mà Bên A đã thanh toán cho Bên B sẽ không được hoàn trả lại trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

d. Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn cho Bên A trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thanh toán.

- Hóa đơn cước phí do Bên B cung cấp sẽ được coi như Bên A chấp thuận nếu Bên A không có khiếu nại bằng văn bản và đưa ra lý do khiếu nại chính đáng, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn. Trong thời gian giải quyết khiếu nại, Bên A vẫn phải thanh toán đầy đủ và đúng hạn cước phí cho Bên B. Giá trị chênh lệch sẽ được mỗi bên thanh toán/giảm trừ sau khi có kết quả giải quyết khiếu nại.

- Mọi sự sai sót, nhầm lẫn trong hóa đơn (nếu có) sẽ được hai bên cùng xác nhận và điều chỉnh vào hóa đơn cho kỳ kế tiếp.

3.2. Hình thức thanh toán:

a. Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền Việt Nam đồng, theo hình thức:

☐ Tiền mặt tại Bên B

☐ Séc

☐ Chuyển khoản

Giá trị thanh toán theo Hợp đồng có thể bù trừ với các khoản công nợ khác giữa các bên (nếu có).

b. Bên A chịu trách nhiệm về chi phí liên quan đến việc thanh toán để đảm bảo Bên B nhận được đầy đủ số tiền ghi trên hóa đơn.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

4.1. Quyền của Bên A:

a. Yêu cầu Bên B cung cấp dịch vụ theo nội dung đã quy định tại Điều 1 Hợp đồng.

b. Quản trị và chủ động quản lý, khai thác, sử dụng dịch vụ theo các quy định, hướng dẫn của Bên B.

- c. Khiếu nại về chất lượng dịch vụ, cước phí dịch vụ theo quy định của Bên B và quy định của pháp luật.
- 4.2. Nghĩa vụ của Bên A:
 - a. Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn cước phí dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.
 - b. Chịu trách nhiệm về thông tin người liên hệ trực tiếp làm việc với Bên B bao gồm tên, email, số điện thoại. Trường hợp có sự thay đổi về người liên hệ trực tiếp, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B.
 - c. Chịu trách nhiệm bảo vệ thông tin tài khoản quản trị được Bên B cung cấp và các tài khoản khác của gói dịch vụ đăng ký. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để lộ tài khoản quản trị bị các tổ chức cá nhân khác lợi dụng để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.
 - d. Tự quản lý, vận hành và quản trị tài khoản dịch vụ, hệ thống thiết bị do Bên B cung cấp.
 - e. Có trách nhiệm tự bố trí đường truyền internet, wifi, nguồn điện, thiết bị máy tính để sử dụng dịch vụ theo hướng dẫn của Bên B.
 - f. Cung cấp trung thực và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về địa chỉ lắp đặt, mục đích, quy mô, cấu hình mạng và các thông tin liên quan đến Hợp đồng, đến việc sử dụng dịch vụ; cung cấp các thông tin cần thiết theo yêu cầu của Bên B như: mục đích, quy mô và cấu hình máy (thiết bị kết nối), phối hợp và tạo điều kiện cho Bên B đo thử, lắp đặt, kiểm tra hệ thống kết nối (nếu có).
 - g. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phát hành, lưu trữ, sử dụng dịch vụ và chịu mọi thiệt hại xảy ra do lỗi của Bên A trong quá trình sử dụng dịch vụ.
 - h. Sử dụng dịch vụ của Bên B đúng mục đích, bảo mật thông tin, tài liệu mà Bên B cung cấp phục vụ triển khai dịch vụ theo Hợp đồng này, không được chuyển giao dịch vụ, quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này cho bên thứ ba.
 - i. Có trách nhiệm quản lý các thiết bị đã lắp đặt. Chịu trách nhiệm về chi phí thiết bị thay thế do lỗi của Bên A trong quá trình sử dụng, làm mất, hỏng thiết bị do Bên B trang bị để tiếp tục sử dụng dịch vụ (nếu có).
 - j. Khi có sự cố dịch vụ, Bên A phải thông báo cho đầu mối liên hệ của Bên B để cùng phối hợp xử lý. Mọi sự cố về thông tin thuộc phạm vi Bên A đảm nhận, Bên A có trách nhiệm sửa chữa kịp thời để phục hồi thông tin.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

5.1. Quyền của Bên B:

- a. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng dịch vụ của Bên A theo quy định của pháp luật.
- b. Không chịu trách nhiệm về các thông tin, nội dung của Bên A thông qua việc sử dụng dịch vụ của Bên B. Có quyền xóa bỏ dữ liệu, thông tin của Bên A tại hệ thống Bên B khi chấm dứt Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.
- c. Có quyền ngừng/tạm ngừng cung cấp dịch vụ đối với Bên A khi có căn cứ cho thấy Bên A vi phạm nghĩa vụ sử dụng dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của Bên B:

- a. Thường xuyên kiểm tra chất lượng dịch vụ, đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho Bên A theo đúng chất lượng mà Bên B đã công bố.
- b. Cài đặt dịch vụ, hướng dẫn sử dụng dịch vụ, bàn giao thiết bị (nếu có) trong thời hạn ... ngày làm việc kể từ thời điểm ký Hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- c. Cung cấp dịch vụ cho Bên A theo chính sách và gói dịch vụ Bên A đã đăng ký, đảm bảo chất lượng dịch vụ.
- d. Cung cấp tài khoản dịch vụ cho Bên A, bảo mật tài khoản dịch vụ đã cấp cho Bên A.
- e. Hỗ trợ giải đáp thắc mắc, hỗ trợ kỹ thuật và khắc phục sự cố liên quan đến dịch vụ sau khi nhận được yêu cầu của Bên A.
- f. Bảo dưỡng hệ thống (không bao gồm hệ thống của Bên A) để đảm bảo hệ thống vận hành ổn định trong suốt thời gian sử dụng dịch vụ của Bên A.
- g. Bảo mật dữ liệu của Bên A và các thông tin liên quan đến Hợp đồng này.
- h. Cung cấp thông tin, tài liệu, trích xuất dữ liệu có liên quan đến Bên A, dịch vụ Bên A sử dụng theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- i. Thông báo bằng văn bản cho Bên A khi thay đổi về cước phí dịch vụ trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).
- j. Không được từ chối giao kết Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên A, trừ các trường hợp pháp luật có quy định.
- k. Tuân thủ nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định tại Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và văn bản hướng dẫn thi hành.
- l. Bồi thường thiệt hại cho Bên A đối với các thiệt hại do sản phẩm dịch vụ có khuyết tật gây ra.
- m. Giải quyết khiếu nại của Bên A theo quy định của Bên B, Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông, Tập đoàn VNPT, Bộ Thông tin và Truyền thông và tuân thủ quy định của pháp luật.
- n. Bên B, trong khả năng của mình sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của Hợp đồng này, chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên B tại từng thời điểm và quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 6. TẠM NGỪNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ

- 6.1. Trường hợp Bên A có nhu cầu tạm ngừng sử dụng dịch vụ, Bên A gửi văn bản đề nghị Bên B giải quyết trước tối thiểu 05 ngày làm việc và làm các thủ tục, thanh toán hết các khoản cước phí tính đến thời điểm tạm ngừng theo quy định hiện hành (nếu có). Trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác, thời gian tạm ngừng tối đa không quá 30 ngày. Ngoài ra, Bên A phải chịu thêm cước phí tạm ngừng dịch vụ và cước phí khôi phục dịch vụ theo quy định của Bên B (nếu có).
- 6.2. Bên B có thể tạm ngừng cung cấp dịch vụ nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây:
 - a. Bên A vi phạm các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng.

Trong trường hợp này, dịch vụ chỉ được khôi phục sau khi Bên A chấm dứt hành vi vi phạm, nộp đầy đủ các khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của Bên B và cước phí khôi phục dịch vụ do Bên B quy định.

- b. Bên B phát hiện ra bất cứ sai sót nào có ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên A trong quá trình sử dụng dịch vụ hoặc tổ chức nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới viễn thông theo kế hoạch.
 - c. Các bên chưa thống nhất cước phí dịch vụ điều chỉnh theo thông báo của Bên B,
 - d. Khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc sự kiện bất khả kháng hoặc theo quy định của pháp luật.
- 6.3. Khi có căn cứ tạm ngừng dịch vụ, Bên B sẽ tiến hành tạm ngừng, đồng thời thông báo cho Bên A về việc tạm ngừng dịch vụ trước ít nhất 03 ngày, trừ trường hợp do pháp luật quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc sự kiện bất khả kháng..

ĐIỀU 7. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

- 7.1. Hợp đồng có thời hạn theo gói dịch vụ mà Bên A đã đăng ký. Trước ngày kết thúc gói dịch vụ, mỗi bên có quyền gửi đề nghị gia hạn dịch vụ cho bên còn lại. Dịch vụ được gia hạn theo thỏa thuận của các bên, thể hiện tại (i) Phụ lục Hợp đồng hoặc (ii) Phiếu đề nghị gia hạn của Bên A, có xác nhận của Bên B hoặc ngược lại.
- 7.2. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
 - b. Bên bị vi phạm Hợp đồng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu bên vi phạm không khắc phục hậu quả trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên bị vi phạm.
 - c. Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng nếu thời gian Bên A tạm ngừng sử dụng dịch vụ vượt quá quy định về thời gian tạm ngừng của Bên B hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ không xác định thời gian.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 7.3. Việc chấm dứt Hợp đồng không ảnh hưởng quyền và nghĩa vụ cả các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng.
- 7.4. Khi chấm dứt Hợp đồng các bên tiến hành thanh lý Hợp đồng. Việc thanh lý Hợp đồng phải được lập thành văn bản, trong đó xác định quyền và nghĩa vụ còn lại của các bên. Hợp đồng chỉ được thanh lý khi hai bên đã hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ còn lại trong Hợp đồng.

ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, nếu một bên (i) không thực hiện đúng và/hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, hoặc (ii) đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái với các quy định tại Hợp đồng và pháp luật, phải chịu trách nhiệm như sau:

- 8.1. Bồi thường thiệt hại:
 - a. Trường hợp một bên vi phạm gây thiệt hại, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trực tiếp cho bên bị vi phạm theo quy định của pháp luật.

- b. Trường hợp Bên A chậm thanh toán, Bên B có quyền yêu cầu Bên A thanh toán thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất bằng 150% lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng nơi Bên B mở Tài khoản ghi trong Hợp đồng nhưng không vượt quá 20%/năm, tương ứng thời gian chậm thanh toán.

8.2. Phạt vi phạm:

Bên vi phạm Hợp đồng sẽ phải nộp cho bên bị vi phạm một khoản tiền phạt vi phạm tương ứng 08% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 9. BẢO MẬT THÔNG TIN

- 9.1. Trừ trường hợp sử dụng cho mục đích thực hiện Hợp đồng này, các bên cam kết giữ bí mật tất cả các thông tin liên quan đến nội dung của Hợp đồng, nội dung thực hiện Hợp đồng và thông tin khác có liên quan các bên được biết trong quá trình làm việc.

Các bên không được tiết lộ hoặc để lộ thông tin trên cho bất kỳ bên thứ ba nào khác trừ trường hợp bên còn lại đồng ý bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật.

- 9.2. Các quy định tại khoản 9.1 điều này ràng buộc các bên về nghĩa vụ bảo mật không giới hạn về không gian, thời gian. Mọi vi phạm nghĩa vụ bảo mật dẫn đến thiệt hại cho một bên (nếu có) sẽ được bên vi phạm bồi thường theo thực tế thiệt hại xảy ra.

ĐIỀU 10. SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, bão, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch bệnh, cách ly kiểm dịch, sự thay đổi trong chính sách, pháp luật, dẫn đến việc một bên hoặc các bên không thực hiện được đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này.

- 10.2. Một bên không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng sẽ được loại trừ trách nhiệm dân sự và không phải là cơ sở để bên còn lại chấm dứt Hợp đồng hoặc áp dụng chế tài phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng gây ra.
- Thông báo cho phía bên còn lại về sự kiện bất khả kháng ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tùy từng trường hợp cụ thể, thu thập chứng cứ và/hoặc giấy xác nhận/thông báo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng để cung cấp cho bên còn lại.
- Thực hiện các nghĩa vụ không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ bị tạm ngừng ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng ngay sau khi tác động của sự kiện bất khả kháng chấm dứt.

- 10.3. Các bên có thể thỏa thuận kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu việc thực hiện hợp đồng bị chậm trễ do sự kiện bất khả kháng. Nếu sự kiện bất khả kháng

kéo dài hoặc gây hậu quả nghiêm trọng dẫn đến việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng sẽ không có lợi cho các bên thì các bên có thể thỏa thuận chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 11. QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, quyền sở hữu trí tuệ đối với các phần mềm, ứng dụng, chương trình máy tính,... liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng này vẫn thuộc về Bên B hoặc chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm này.

ĐIỀU 12. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 12.1. Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam. Các quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác chưa được quy định tại Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh theo các quy định pháp luật có liên quan.
- 12.2. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này sẽ được hai bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng, hoà giải, trên tinh thần thiện chí. Các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng không có tranh chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 12.3. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết bằng thương lượng, hòa giải, mọi tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 13. THÔNG BÁO

- 13.1. Các bên có trách nhiệm thông báo cho bên còn lại về đầu mối có thẩm quyền liên hệ công việc liên quan đến Hợp đồng này.
- 13.2. Mọi thông báo, yêu cầu, đề nghị hoặc hình thức truyền đạt thông tin khác của một bên liên quan đến Hợp đồng (“Thông báo”) chỉ có giá trị pháp lý với bên còn lại khi thể hiện bằng văn bản và chuyển cho bên còn lại theo một trong các hình thức: văn bản trao tay/thư bảo đảm (văn bản giấy), fax hoặc hình thức điện tử khác (email/zalo/viber/skype/...) của người có thẩm quyền. Bên thông báo theo hình thức điện tử phải cung cấp văn bản giấy cho Bên nhận thông báo ngay sau đó để xác thực thông tin.
- 13.3. Trường hợp các bên gửi nhiều thông báo, thông báo cuối cùng theo thời gian sẽ được áp dụng. Nếu thông báo nhận được cùng thời gian sẽ áp dụng theo thứ tự ưu tiên: hình thức điện tử, fax, văn bản trao tay/thư bảo đảm.
- 13.4. Mỗi bên sẽ thông báo cho bên kia về bất kỳ thay đổi nào đối với đầu mối liên hệ, địa chỉ, số điện thoại, email, hình thức liên hệ điện tử khác của mình.

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 14.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
Kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, các nội dung cam kết, thỏa thuận (nếu có) giữa các bên có nội dung trái với quy định của Hợp đồng này hết hiệu lực thi hành.
- 14.2. Các bên cam kết tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận tại Hợp đồng này với tinh thần thiện chí, trung thực và tạo điều kiện thuận lợi cho nhau trong quá trình thực hiện.

- 14.3. Hợp đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung khi được sự chấp thuận của các bên. Mọi nội dung sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của các bên.
- 14.4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A (4)

ĐẠI DIỆN BÊN B (4)

Ghi chú: Mẫu 34 sử dụng cho nhóm dịch vụ Hội nghị truyền hình và Camera giám sát, VNPT Meeting sử dụng kênh truyền Megawan

(1) Cách thể hiện tên Hợp đồng (chữ in, đứng, đậm): HỢP ĐỒNG CUNG CẤP NHÓM DỊCH VỤ HỘI NGHỊ TRUYỀN HÌNH VÀ CAMERA ...

(2) Cách thể hiện số Hợp đồng (chữ in, đứng, đậm):

Ví dụ: “Số: 160801-.../VNPT VNP-KHDN-DN/HĐ...”

- “Năm”: chỉ ghi 2 số cuối của năm làm Hợp đồng (ví dụ: 16)
- “Tháng”: ghi 2 số (ví dụ tháng 8: 08)
- “Ngày”: ghi 2 số (ví dụ: 01)
- “-...”: Số thứ tự của HĐ cấp trong ngày (ví dụ: -01)
- “tên tắt đơn vị ban hành văn bản”: các đơn vị ghi tên tắt của đơn vị khi ban hành VB (ví dụ: KHDN hoặc TTHTBHMN hoặc TTKDVPC)
- “tên tắt đơn vị soạn thảo văn bản”: các đơn vị ghi tên tắt của đơn vị khi soạn thảo VB (ví dụ: BDTW hoặc PKHTCDN)

(3) Thông tin của các bên tham gia ký kết Hợp đồng:

- Tên của Bên cung cấp dịch vụ và sử dụng dịch vụ (chữ in, đứng, đậm): các đơn vị ghi đầy đủ, chính xác tên của các bên theo giấy phép Đăng ký kinh doanh (ví dụ: **BAN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**)
- Địa chỉ: ghi đầy đủ chính xác theo giấy phép Đăng ký kinh doanh
- Tài khoản: Ghi đầy đủ tài khoản, ngân hàng của các bên
- Mã số thuế: ghi đầy đủ chính xác theo giấy phép Đăng ký kinh doanh
- Người đại diện: Ghi danh xưng và họ tên của người ký văn bản (ví dụ: Ông Đinh Đức Thụ)
- Chức vụ: Ghi rõ chức vụ của người ký văn bản (ví dụ: Phó Giám đốc).
- Theo Giấy ủy quyền: Trường hợp không phải người đứng đầu chi nhánh/tổ chức/doanh nghiệp ký thì cần có thêm thông tin giấy ủy quyền của người đứng đầu chi nhánh cho người ký văn bản (ví dụ: Theo giấy ủy quyền số 848/GUQ-KHDN-TH ngày 11 tháng 04 năm 2016 của Giám đốc cho Phó Giám đốc)

(4) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký (chữ in hoa, đứng, đậm)

Trường hợp Phó Tổng Giám đốc ký thay thì ghi: **KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

***Lưu ý khác:**

- Khi giao dịch ký kết Hợp đồng với các KHTCDN: Các thông tin của các bên phải đúng như trên giấy phép Đăng ký kinh doanh. Riêng đối với giấy ủy quyền thì phải kiểm tra các thông tin sau: Thông tin của người ủy quyền và người được ủy quyền; thẩm quyền, phạm vi của người được ủy quyền; thời hạn của giấy ủy quyền,...
- Các đơn vị khi đi bán hàng tùy theo nhu cầu của Khách hàng mà sử dụng các Phụ lục Hợp đồng theo từng dịch vụ cho phù hợp, chi tiết như sau:

✓ Phụ lục 01-A:Nhóm dịch vụ HNTH (Mega V-Meeting và VNPT Meeting)

Mẫu 34: Hợp đồng cung cấp nhóm dịch vụ Hội nghị truyền hình, Camera giám sát, VNPT Meeting sử dụng kênh truyền Megawan

- ✓ Phụ lục 01-B: Nhóm dịch vụ Camera giám sát (VNPT CAM,...)
- ✓ Phụ lục 01-C: Dịch vụ Hội nghị truyền hình VNPT Meeting sử dụng kênh truyền Megawan.

PHỤ LỤC 01 – A (1)

(Kèm theo Hợp đồng số: Nămthángngày- /VNPT VNP-tên tắt đơn vị ban hành
văn bản-tên tắt đơn vị soạn thảo/HĐ Tên tắt dv ký ngày/...../.....)

I. MÔ TẢ DỊCH VỤ

1. Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng: Dịch vụ Hội nghị truyền hình.
2. Nội dung yêu cầu cài đặt:
 - Tài khoản
 - Mật khẩu:
 - Địa chỉ IP máy chủ:
 - Các yêu cầu khác:

II. CƯỚC PHÍ DỊCH VỤ

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1.	Cước phí cài đặt			
2.	Cước phí hàng tháng cho 01 account			
Thành tiền: (1) + (2)				
Thuế VAT 10%				
Giá trị thanh toán đã bao gồm thuế VAT				
Bằng chữ:				

III. QUY ĐỊNH VỀ GIẢM CƯỚC (nếu có)

IV. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

Bộ phận	BÊN A	BÊN B
Hợp đồng		
Tư vấn, tiếp nhận yêu cầu, báo giá, đối soát cước		
Xuất hóa đơn, thanh toán		

V. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ XỬ LÝ SỰ CỐ

- Đầu mối Bên A:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

- Đầu mối Bên B:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

Mẫu 34: Hợp đồng cung cấp nhóm dịch vụ Hội nghị truyền hình, Camera giám sát, VNPT Meeting sử dụng kênh truyền Megawan

ĐẠI DIỆN BÊN A (2)

ĐẠI DIỆN BÊN B (2)

Ghi chú: Phụ lục 01 - A sử dụng cho nhóm dịch vụ Hội nghị truyền hình (Mega V-Meeting/VNPT Meeting)

(1) Cách thể hiện tên Phụ lục (chữ in, đứng, đậm)

- Tên của Phụ lục phải có số của phụ lục: ví dụ **PHỤ LỤC 01**

Mẫu 34: Hợp đồng cung cấp nhóm dịch vụ Hội nghị truyền hình, Camera giám sát,
VNPT Meeting sử dụng kênh truyền Megawar

- Đối với các phụ lục ký sau thời điểm ký Hợp đồng phải thể hiện thêm các thông tin sau:

+ Căn cứ Hợp đồng gốc

+ Thông tin của Bên A và Bên B: Thể hiện như (3) của Hợp đồng

Ví dụ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Hợp đồng số

.....ngày.....)

Căn cứ Hợp đồng sốgiữavà.....về việc
.....;

Căn cứ yêu cầu và khả năng cung cấp của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 201..., chúng tôi gồm có:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:

(2) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký (chữ in hoa, đứng, đậm)

Trường hợp Phó Tổng Giám đốc ký thay thì ghi:

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 01 – B (1)

(Kèm theo Hợp đồng số: Nămthángngày- /VNPT VNP-tên tắt đơn vị ban hành
văn bản-tên tắt đơn vị soạn thảo/HĐ Tên tắt dv ký ngày/...../.....)

I. MÔ TẢ DỊCH VỤ

1. Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng: Dịch vụ Camera giám sát.
2. Thông tin dịch vụ:

II. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

1. Cước phí dịch vụ:

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1.	Cước phí cài đặt			0
2.	Cước phí hàng tháng			
3.	Cước phí dịch vụ lưu trữ			
Tổng: (1) + (2) + (3)				
Thuế VAT 10%				
Giá trị thanh toán đã bao gồm thuế VAT				
Bằng chữ:				

2. Chi phí thiết bị (nếu có):

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1.				0
2.				
Tổng				
Thuế VAT 10%				
Giá trị thanh toán đã bao gồm thuế VAT				
Bằng chữ:				

3. Giá trị Hợp đồng:VNĐ.
(Bằng chữ:)

III. GIẢM CƯỚC DỊCH VỤ (nếu có):

IV. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

Bộ phận	BÊN A	BÊN B
Hợp đồng		
Tư vấn, tiếp nhận yêu cầu, báo giá, đối soát cước		

Mẫu 34: Hợp đồng cung cấp nhóm dịch vụ Hội nghị truyền hình, Camera giám sát, VNPT Meeting sử dụng kênh truyền Megawana

Xuất hóa đơn, thanh toán		
--------------------------	--	--

V. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ XỬ LÝ SỰ CỐ

- Đầu mối Bên A:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

- Đầu mối Bên B:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

ĐẠI DIỆN BÊN A (2)

ĐẠI DIỆN BÊN B (2)

Ghi chú: Phụ lục 01 - B sử dụng cho nhóm dịch vụ Camera giám sát (VNPT CAM,...)

(1) Cách thể hiện tên Phụ lục (chữ in, đứng, đậm)

- Tên của Phụ lục phải có số của phụ lục: ví dụ **PHỤ LỤC 01**
 - Đối với các phụ lục ký sau thời điểm ký Hợp đồng phải thể hiện thêm các thông tin sau:
 - + Căn cứ Hợp đồng gốc
 - + Thông tin của Bên A và Bên B: Thể hiện như **(3)** của Hợp đồng
- Ví dụ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Hợp đồng số

.....ngày.....)

Căn cứ Hợp đồng sốgiữavà.....về việc
.....;

Căn cứ yêu cầu và khả năng cung cấp của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 201..., chúng tôi gồm có:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:

(2) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký (chữ in hoa, đứng, đậm)

Trường hợp Phó Tổng Giám đốc ký thay thì ghi:

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(Kèm theo Hợp đồng số: Nămthángngày- /VNPT VNP-tên tắt đơn vị ban hành
văn bản-tên tắt đơn vị soạn thảo/HĐ Tên tắt dv ký ngày/...../.....)

I. MÔ TẢ DỊCH VỤ

1. Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng: Dịch vụ Hội nghị truyền hình VNPT Meeting sử dụng kênh truyền Megawan.

a) Dịch vụ Hội nghị truyền hình VNPT Meeting là dịch vụ Hội nghị truyền hình của VNPT triển khai trên nền Cloud sử dụng giải pháp lõi của Polycom. VNPT Meeting cung cấp cho khách hàng giải pháp hội nghị truyền hình thông qua việc sử dụng các thiết bị đầu cuối chuyên dụng hoặc ứng dụng cài mobile, laptop... hội họp giữa 02 hoặc nhiều điểm cầu.

b) Dịch vụ Megawan: dịch vụ mạng riêng ảo hữu tuyến MPLS VPN lớp 3 cho phép kết nối các mạng (LAN tại các văn phòng, chi nhánh....) của một doanh nghiệp, tổ chức thành một mạng riêng, duy nhất thông qua cơ sở hạ tầng dùng chung của nhà cung cấp dịch vụ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2. Nội dung yêu cầu cài đặt:

- Tài khoản
- Mật khẩu:
- Địa điểm lắp đặt:

STT	Tên trạm/địa chỉ	Loại cổng	Tốc độ (Mb/s)	Kết nối	Mã kênh	Ghi chú
1.						

- Các yêu cầu khác:

II. CƯỚC PHÍ DỊCH VỤ

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tốc độ (Mbps)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1.	Cước phí cài đặt	Vnđ/điểm cầu				
2.	Cước phí dịch vụ VNPT Meeting	Vnđ/điểm cầu/tháng				
3.	Cước phí kênh truyền Megawan	Vnđ/điểm cầu/tháng				
4.	Cước thuê thiết bị đầu cuối	Vnđ/điểm cầu/tháng				
5.	Cước thuê nhân sự vận hành kỹ thuật	Vnđ/điểm cầu/tháng				
Thành tiền: (1) + (2) + (3) + (4) + (5)						
Thuế VAT 10%						
Giá trị thanh toán đã bao gồm thuế VAT						
Bằng chữ:						

III. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

Bộ phận	BÊN A	BÊN B
Hợp đồng		
Tư vấn, tiếp nhận yêu cầu, báo giá, đối soát cước		
Xuất hóa đơn, thanh toán		

IV. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ XỬ LÝ SỰ CỐ

- Đầu mối Bên A:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

- Đầu mối Bên B:

Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Cấp độ 4

ĐẠI DIỆN BÊN A (2)

ĐẠI DIỆN BÊN B (2)

Ghi chú: Phụ lục 01 - C sử dụng cho dịch vụ Hội nghị truyền hình VNPT Meeting sử dụng kênh truyền Megawan.

(1) Cách thể hiện tên Phụ lục (chữ in, đứng, đậm)

- Tên của Phụ lục phải có số của phụ lục: ví dụ **PHỤ LỤC 01**

- Đối với các phụ lục ký sau thời điểm ký Hợp đồng phải thể hiện thêm các thông tin sau:

Mẫu 34: Hợp đồng cung cấp nhóm dịch vụ Hội nghị truyền hình, Camera giám sát,
VNPT Meeting sử dụng kênh truyền Megawar

+ Căn cứ Hợp đồng gốc

+ Thông tin của Bên A và Bên B: Thể hiện như (3) của Hợp đồng

Ví dụ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Hợp đồng số

.....ngày.....)

*Căn cứ Hợp đồng sốgiữavà.....về việc
.....;*

Căn cứ yêu cầu và khả năng cung cấp của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 201..., chúng tôi gồm có:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:

(2) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký (chữ in hoa, đứng, đậm)

Trường hợp Phó Tổng Giám đốc ký thay thì ghi:

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**